

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 30 tháng 01 năm 2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Duyên Văn Hiền

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị A** – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Dương Văn T** – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, chị A, anh T có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Bùi Thị A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T sống chung năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Chị xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Dương Nhật H, sinh ngày 14/04/2003, cháu hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

*Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2019 và tại phiên tòa, anh Dương Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị A sống chung năm 2000, hôn nhân do anh tự nguyện không ép buộc, có tổ chức hôn lễ, nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại vợ chồng anh đã ly thân nhau. Trong quan hệ vợ chồng giữa anh và chị A có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm khó có thể hàn gắn được. Anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Dương Nhật H, sinh ngày 14/04/2003, cháu hiện đang sống cùng với chị A. Anh đồng ý với yêu cầu nguyên đơn và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị A, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn T, cả hai đều có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Năm 2000, chị A và anh T sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh T. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T thống nhất với yêu cầu của chị A nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh T là đúng pháp luật và phù hợp với nguyện vọng các bên.

[4] Về con chung: Chị A và anh T có một người con chung là cháu Dương Nhật H, sinh ngày 14/04/2003. Hiện cháu Hào đang sống cùng với chị A. Chị A và anh T thống nhất giao cháu Hào cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án có ghi

nhận ý kiến cháu Hào và cháu có nguyện vọng sống với chị A. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hào cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và đúng với quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị A không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T, đây là ý chí tự nguyện của chị A nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị A yêu cầu được xem xét phân chia tài sản chung và trách nhiệm trả nợ chung đối với anh T. Tuy nhiên, trong giai đoạn hòa giải vụ án, nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, theo đó chị xác định tài sản chung chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này, nợ chung không có. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, bị đơn đồng ý thỏa thuận với nguyên đơn về phần tài sản chung và xác định không có nợ chung như nguyên đơn trình bày nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A về việc yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn T.

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị A và anh Dương Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Dương Nhật H, sinh ngày 14/04/2003 cho chị Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về về tài sản chung.

**3. Về án phí:** Chị Bùi Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002582 và biên lai số

0002581 ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Bùi Thị A được nhận lại số tiền 8.417.000 đồng.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

**Nơi nhận:**

- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hợp**